

Bản án số: 208/2023/KDTM-PT

Ngày: 27/02/2023

V/v tranh chấp hợp đồng xếp dỡ hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Bà Vũ Thị Hương

2. Bà Lưu Thị Đoàn Trang

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày ngày 22, 27 tháng 2 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng xếp dỡ hàng hóa”.

Do Bản án sơ thẩm số 39/2022/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 252/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1768/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở: Số 348/10 đường U, Phường Q, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Chí D. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T (có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền ngày 22/3/2022 của Công ty Cổ phần A).

2. Bị đơn: Tổng công ty Cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Số 298 đường P, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Vũ T; Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Phú D (có mặt); Ông Nguyễn Chí T (có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 04/ĐSMN ngày 06/5/2022 của Tổng công ty Cổ phần S).

3. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần A

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Công ty TNHH than tân Đ nay đổi tên thành Công ty Cổ phần A (sau đây gọi tắt là “công ty A”) và Tổng công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty S”) ký kết hợp đồng xếp dỡ hàng hóa theo từng năm từ năm 2014 đến 2019. Căn cứ Hợp đồng xếp dỡ mà hai bên đã ký, thể hiện rõ: Loại hàng: Than cám, than cục xá. Cho nên khi cân hàng thì số cân ở đây phải được xác định là: số cân than cám, than cục xá, không bao gồm số cân bì xe. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện do đã làm sai bản chất, nhầm lẫn nên khi tính phí cân hàng đã tính nhầm số cân hàng hóa + số cân bì xe. Sự việc lặp lại từ năm 2014-2018. Đến năm 2019, công ty A phát hiện ra sự nhầm lẫn và làm việc với đại diện Tổng công ty S. Sau đó, Tổng công ty S thực hiện đúng bản chất của hợp đồng là khi tính phí cân hàng thì hai bên xác định số cân hàng hóa (không bao gồm số cân bì xe). Tổng công ty S không đồng ý thanh toán lại số tiền thanh toán thừa từ năm 2014 đến cuối năm 2018 do các hợp đồng đã được quyết toán.

Ngày 30/7/2019 công ty A gửi văn bản số 138/CV-PDA yêu cầu Tổng công ty S hoàn lại số tiền đã thanh toán thừa từ năm 2014 đến năm 2018 cho công ty A.

Ngày 22/10/2019 công ty A tiếp tục gửi văn bản số 184/CV-PDA yêu cầu Tổng công ty S hoàn lại số tiền đã thanh toán thừa từ năm 2014 đến năm 2018.

Ngày 29/10/2019 công ty A nhận được văn bản số 225/ĐSMN của Tổng công ty S trả lời là không đồng ý trả lại số tiền thừa theo yêu cầu của công ty A.

Công ty A thống kê số tiền đã thanh toán thừa từ năm 2014 đến năm 2018 như sau:

Năm 2014: theo Hợp đồng số 009/14/CLB/HĐXD-NT ngày 30/12/2013. Số tiền thanh toán thừa: $(51.104,66 \times 1.500) \times 10\% = 84.322.689$ đồng.

Năm 2015: theo Hợp đồng số 007/15/CLB/HĐXD-NT ngày 31/12/2014. Số tiền thanh toán thừa: $(49.099,62 \times 1.500) \times 10\% = 81.014.373$ đồng.

Năm 2016: theo Hợp đồng số 005/16/CLB/HĐXD-NT ngày 30/12/2015. Số tiền thanh toán thừa: $(86.439,42 \times 1.500) \times 10\% = 142.625.043$ đồng.

Năm 2017: theo Hợp đồng số 009/17/CLB/HĐXD-NT ngày 30/12/2016. Số tiền thanh toán thừa: $(125.424,35 \times 1.500) \times 10\% = 206.950.178$ đồng.

Năm 2018: theo Hợp đồng số 016/18/CLB/HĐXD-NT ngày 30/12/2017. Số tiền thanh toán thừa: $(279.210,95 \times 1.500) \times 10\% = 614.240.290$ đồng. Tổng số tiền đã thanh toán thừa: 1.129.156.573 đồng.

Công ty A nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng Tổng công ty S không hợp tác. Do đó, công ty A khởi kiện yêu cầu Tổng công ty S trả lại số tiền đã thanh toán thừa là 1.288.480.565 đồng. Trong đó, tiền đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 1.129.156.573 đồng và tiền lãi những ngày chậm trả 10%/năm tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/5/2020 là 159.323.992 đồng.

Ngày 04/12/2021 và tại phiên hòa giải, nguyên đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện, căn cứ theo Bảng tính chi tiết xác định số tiền theo trọng lượng của các phương tiện do Cục đăng kiểm Việt Nam - Bộ Giao thông Vận tải cung cấp thì nguyên đơn xác định lại số tiền đã thanh toán thừa như sau:

Năm 2014: 80.292.840 đồng

Năm 2015: 83.615.327 đồng

Năm 2016: 134.071.458 đồng

Năm 2017: 208.373.568 đồng

Năm 2018: 603.406.030 đồng

Tổng các năm: Tiền đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 1.109.759.223 đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/11/2021 là 323.679.761 đồng, tổng số tiền là 1.433.438.984 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Tổng công ty S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì căn cứ vào các hợp đồng xếp dỡ và biên bản quyết toán xác định rõ sản lượng, đơn giá và thành tiền đã được các bên ký xác nhận. Theo đó, bị đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho nguyên đơn và đã nộp thuế, quyết toán thuế cho nhà nước. Mặt khác, theo quy định của các hợp đồng thì hiệu lực hợp đồng đã hết hạn vào ngày 31/12 hàng năm và hợp đồng cuối cùng đã kết thúc vào ngày 31/12/2018, các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 39/2022/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7 đã tuyên:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần A về việc yêu cầu bị đơn Tổng công ty Cổ phần S trả số tiền 1.487.066.011 đồng (một tỷ bốn trăm tám mươi bảy triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn không trăm mười một đồng), trong đó số tiền thanh toán thừa theo hợp đồng xếp dỡ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 1.109.759.223 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 24/5/2022 là 377.306.788 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ án thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/6/2022, Công ty Cổ phần A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện ủy quyền nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện ủy quyền bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 39/2022/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng xếp dỡ hàng hóa, bị đơn Tổng công ty S có trụ sở tại Quận Y. Căn cứ khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty Cổ phần A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 39/2022/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Đại diện ủy quyền nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 39/2022/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.1] Căn cứ đơn kháng cáo ngày 06/6/2022, Công ty Cổ phần A đề nghị Tòa án xem xét sự việc, chứng cứ chưa khách quan, không xem xét toàn diện nội dung hợp đồng, cụ thể: "... Cấp sơ thẩm xác định đây là hợp đồng vận chuyển là chưa chính xác, vì bị đơn không phải là hợp đồng vận chuyển mà chỉ cung cấp dịch vụ cân hàng khi xe của nguyên đơn vào đưa hàng ra khỏi cảng, mục đích của việc cân xe là kiểm soát trọng tải khi xe lưu thông trên đường...; Nội dung hợp đồng được quy định rõ tại Điều 1; Việc nguyên đơn cử người giám sát hiện trường khi cân là để kiểm soát số lượng các xe ra vào cảng để chờ

hàng; Việc cấp sơ thẩm cho rằng nguyên đơn tính khối lượng nguyên bản xe dựa theo khối lượng tại văn bản trả lời của Cục đăng kiểm Việt Nam là không chính xác vì khác thời điểm. Nguyên đơn cho rằng việc dựa vào văn bản trả lời của Cục đăng kiểm Việt Nam về “khối lượng nguyên bản của phương tiện” để tính số tiền và yêu cầu bị đơn hoàn trả lại tiền thừa là có cơ sở; Việc áp dụng thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn đã hết là chưa chính xác; Trách nhiệm của bị đơn là phải tuân thủ thực hiện đúng nội dung thỏa thuận tại hợp đồng. Mặc dù hợp đồng đã được thanh lý, hết hiệu lực nhưng những sai sót không được miễn trừ, bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả lại khối lượng mà nguyên đơn đã thanh toán”.

Việc áp dụng thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn đã hết là chưa chính xác. Với ý kiến này, Hội đồng xét xử xét thấy: Đầu năm 2019, công ty A phát hiện Tổng công ty S tính sai số tiền phí cân hàng, ngày 30/7/2019 công ty A gửi văn bản số 138/CV-PDA yêu cầu Tổng công ty S hoàn lại số tiền đã thanh toán thừa từ năm 2014 đến năm 2018 cho công ty A; ngày 22/10/2019 công ty A tiếp tục gửi văn bản số 184/CV-PDA yêu cầu Tổng công ty S hoàn lại số tiền đã thanh toán thừa từ năm 2014 đến năm 2018. Ngày 29/10/2019 công ty A nhận được văn bản số 225/ĐSMN của Tổng công ty S trả lời là không đồng ý trả lại số tiền thừa theo yêu cầu của công ty A. Ngày 24/6/2020 công ty A khởi kiện Tổng công ty S hoàn lại số tiền đã thanh toán thừa đó là tài sản của nguyên đơn. Căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xem xét lại thời hiệu theo yêu cầu này của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền nguyên đơn và bị đơn xác nhận giữa công ty TNHH than Tân Đ nay là công ty cổ phần A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 22/3/2022) và Tổng công ty S ký các hợp đồng xếp dỡ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) số 009/14/CLB/HĐXD-NT; ngày 31/12/2014 ký Hợp đồng số 007/15/CLB/HĐXD-NT; ngày 30/12/2015 ký Hợp đồng số 005/16/CLB/HĐXD-NT; ngày 30/12/2016 ký Hợp đồng số 009/17/CLB/HĐXD-NT; ngày 30/12/2017 ký Hợp đồng số 016/18/CLB/HĐXD-NT. Theo đó (bên A) công ty A thuê (bên B) Tổng công ty S xếp dỡ lô hàng tại cảng L, Quận U cũ nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng và sự xác nhận các bên. Về phương thức xác định trọng lượng: “Căn cứ theo chứng thư mớm nước của phương tiện tại Cảng L hoặc hóa đơn hàng hóa của phương tiện hoặc phiếu vận chuyển của phương tiện hoặc phiếu cân hàng qua cân của Cảng”.

Trách nhiệm của bên A: cử đại diện thường xuyên có mặt tại cảng trong suốt thời gian xếp dỡ để giải quyết các khó khăn,...ký xác nhận các chứng từ xếp dỡ; quá trình xếp dỡ nếu có trở ngại phát sinh thì người đại diện bên A và bên B cùng bàn biện pháp khắc phục,...thanh toán đủ và đúng hạn cho bên B.

Trách nhiệm của bên B: lập hóa đơn và các chứng từ thanh toán kịp thời ngay sau khi việc xếp dỡ của các chuyến tàu hoàn tất.

Điều khoản thanh toán: căn cứ phiếu cân hàng qua cân của cảng, bảng kết toán hàng hóa có chữ ký xác nhận của đại diện các bên,...bên A thanh toán cho bên B 100% số tiền xếp dỡ của từng chuyến tàu sau khi làm xong hàng tàu,...bên B gửi cho bên A các bộ chứng từ quyết toán đầy đủ theo số lượng thực và hóa đơn giá trị gia tăng...

Đại diện ủy quyền nguyên đơn và bị đơn xác nhận, nguyên đơn đã cân trước tại xưởng của nguyên đơn và qua cân của Cảng để kiểm soát tải trọng đồng thời ký xác nhận vào các chứng từ phiếu cân hàng qua cân của cảng gửi lại cho bên bị đơn. Nguyên đơn cũng thừa nhận các bản thanh toán, quyết toán được hai bên đối chiếu từng tháng, biên bản quyết toán đều có sản lượng, đơn giá, thành tiền và có sự xác nhận của công ty cổ phần A. Sau khi đối chiếu số liệu việc quyết toán, thanh lý hợp đồng do đại diện pháp luật của nguyên đơn và bị đơn ký cùng toàn bộ chứng từ thanh quyết toán hợp lệ giữa hai bên từ năm 2014 đến cuối năm 2018, công ty cổ phần A đã thanh toán tiền cho Tổng công ty Cổ phần S và Tổng công ty Cổ phần S đã quyết toán và nộp thuế theo quy định. Căn cứ điều khoản thanh toán trong các hợp đồng xếp dỡ từ năm 2014 đến năm 2018 công ty cổ phần A và Tổng công ty Cổ phần S đã thực hiện đúng quy trình như thỏa thuận trong hợp đồng, hai bên ký các biên bản quyết toán xác định rõ sản lượng, đơn giá và thành tiền là do tin tưởng nhau nên mới có sự nhầm lẫn.

Nguyên đơn cho rằng *“trong quá trình thực hiện do đã làm sai bản chất, nhầm lẫn nên khi tính phí cân hàng đã tính nhầm số cân hàng hóa + số cân bì xe”* nên có văn bản gửi bị đơn để yêu cầu trả lại số tiền trả dư, nhưng bị đơn không đồng ý trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.487.066.011 đồng. Tại văn bản giải trình ngày 22 tháng 9 năm 2022 đại diện ủy quyền của nguyên đơn, cách tính số tiền bị đơn yêu cầu hoàn trả từ tháng 6/2014 đến tháng 12/2018: Số tiền hoàn trả= (Số cân nguyên bản xe (bì xe) x đơn giá) x 10% VAT hoặc Số cân nguyên bản xe (bì xe) = Số cân nguyên bản xe + Số cân nguyên bản Rơ moóc (nếu có).

Ngày 19/5/2021, Tòa án nhân dân Quận 7 ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với nguyên đơn, tuy nhiên, nguyên đơn không giao nộp được các chứng cứ mà Tòa án yêu cầu cung cấp.

Căn cứ văn bản số 1450/ĐKVN ngày 28/4/2021 của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì *“tại thời điểm tra cứu”...“một số phương tiện trong danh sách của Tòa cung cấp không tra cứu được do sai biển số đăng ký, đã đổi biển đăng ký hoặc không thuộc quản lý của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Giá trị tự trọng thiết kế được tính theo giá trị kg, là giá trị tự trọng (khối lượng bản thân) theo hồ sơ kỹ thuật của phương tiện. Trong quá trình sử dụng của phương tiện; giá trị tự trọng có thể thay đổi tùy thuộc vào nhiên liệu, trang thiết bị kèm theo hoặc do chủ phương tiện tự ý thay đổi kết cấu”*.

Như vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã thanh toán thừa từ năm 2014 đến năm 2018 nhưng không xác định được “khối lượng nguyên bản của phương tiện” tại thời điểm phương tiện đó đưa hàng vào

cân của Cảng, mà căn cứ vào văn bản trả lời của Cục Đăng kiểm Việt Nam để yêu cầu bị đơn trả lại tiền thừa là chưa chính xác.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn trình bày ý kiến không thể thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh khối lượng nguyên bản xe ra vào, chở hàng, cân hàng cho yêu cầu khởi kiện. Trường hợp này, khối lượng nguyên bản của xe chính là khối lượng mà xe ở trạng thái không tải, tức là xe ở trạng thái ngay khi vừa xuất xưởng. Căn cứ Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi sản xuất xe; đại lý bán xe; thông số kỹ thuật xe được niêm yết thông tin trên xe với những xe cùng loại, cùng đời, cùng năm sản xuất, cùng nhãn hiệu và nhiều nguồn chứng cứ khác để xác định khối lượng nguyên bản xe cùng loại mà các bên đang tranh chấp và chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

Để giải quyết vụ án triệt để, khách quan yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đồng thời không ảnh hưởng quyền lợi của bị đơn và mới phát sinh tại cấp phúc thẩm mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện, bổ sung được.

Từ những nhận định nói trên, căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 39/2022/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét nội dung vụ án.

[3] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại Công ty Cổ phần A là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên thu tạm ứng án phí, lệ phí số số AA/2021/0014433 ngày 08/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 39/2022/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Tranh chấp hợp đồng xếp dỡ hàng hóa”, giữa Nguyên đơn: Công ty Cổ phần A với Bị đơn: Tổng công ty Cổ phần S.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại Công ty Cổ phần A là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0014433 ngày 08/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thi hành được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh;
- Lưu.

Trương Thị Thảo

